

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2952/2015/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn
thành phố Hải Phòng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp
sau đăng ký thành lập**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày
28/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ về việc ban
hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành
phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau
đăng ký thành lập;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 197/TTr-KHĐT
ngày 25/12/2015, Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 62/BCTĐ-STP ngày
18/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ
quan chức năng trên địa bàn thành phố trong quản lý nhà nước đối với doanh
nghiệp sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

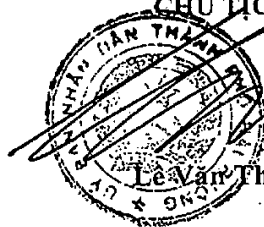
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở,
Thủ trưởng cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các

doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, NV (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND thành phố (để b/c);
- Đoàn ĐBQH TP Hải Phòng;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- CPVP;
- Sở Tư pháp;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Báo Hải Phòng, Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- CV: DN, CT, NC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH



QUY CHẾ PHỐI HỢP

**Giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố Hải Phòng
trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2052~~ 2015/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong việc: trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp; thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.
2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
3. Công an thành phố Hải Phòng, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng, các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp.
2. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp* là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.
3. *Công khai thông tin doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước, căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp một cách rộng rãi, không thu phí.

4. *Thanh tra doanh nghiệp* là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. *Kiểm tra doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. *Cơ quan chức năng* là cơ quan quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quy chế này.

7. *Đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp* là chi nhánh, văn phòng đại diện do doanh nghiệp thành lập.

Điều 4. Mục tiêu của việc phối hợp trong quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp;

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp;

c) Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm quản lý, theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền.

2. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động bình thường.

Chương II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, bao gồm: tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ, điều lệ công ty; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập, người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp và các thông tin đăng ký doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm các tình trạng: đang hoạt động; đang làm thủ tục giải thể; đã giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; tạm ngừng kinh doanh; đã chấm dứt hoạt động (đối với đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp).

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp thông tin, công bố thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia.

Định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cung cấp danh sách các doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp: đăng ký thành lập mới, đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, đăng ký tạm ngừng hoạt động,

đã hoàn tất thủ tục giải thể, chấm dứt hoạt động trong tháng trước liền kề đến các cơ quan chức năng theo địa chỉ email: Sokhdt_dkkd@haiphong.gov.vn.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan chức năng có thể yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp.

3. Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư đề yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp

1. Trên cơ sở khai thác từ Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

Trên cơ sở khai thác từ Hệ thống quản lý thuế, Cục Thuế thành phố là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về các trạng thái mã số thuế của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

2. Cục Thuế thành phố là đầu mối trao đổi, cung cấp danh sách các doanh nghiệp có trạng thái đóng và tạm đóng mã số thuế cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trao đổi, cung cấp danh sách các doanh nghiệp sẽ ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Cục Thuế thành phố, đề nghị Cục Thuế thành phố rà soát, kiểm tra trạng thái mã số thuế của các doanh nghiệp này trước khi ra quyết định thu hồi.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ đối chiếu thông tin trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia với thông tin cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động quá một năm không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; chủ động xây dựng phương án, công cụ trao đổi thông tin doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế thành phố và các cơ quan đầu mối thông tin doanh nghiệp khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình.

2. Khuyến khích các cơ quan chức năng trao đổi thông tin doanh nghiệp, chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp.

3. Cơ quan chức năng thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối công khai thông tin doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp. Thông tin công khai bao gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp.

2. Cục Thuế thành phố công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn thành phố có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý Thuế và theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

3. Cơ quan chức năng khác, ngoài các cơ quan quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp

1. Khuyến khích các cơ quan chức năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp qua mạng điện tử.

2. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp giữa các cơ quan chức năng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 Quy chế này được thực hiện bằng hình thức gửi bản giấy hoặc qua đường thư điện tử.

Các cơ quan chức năng này có trách nhiệm thông báo hòm thư điện tử được sử dụng để trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp trên địa bàn thành phố với Sở Kế hoạch và Đầu tư ngay khi Quyết định này có hiệu lực thi hành. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp, thông báo tới các cơ quan chức năng và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố danh sách các hòm thư này. Trường hợp các cơ quan chức năng thay đổi hòm thư điện tử thì phải thông báo kịp thời tới Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp của các cơ quan chức năng quy định tại Khoản 3 Điều 2 Quy chế này được thực hiện theo quyết định của Cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương hoặc cơ quan có thẩm quyền khác. Các cơ quan chức năng này có trách nhiệm thông báo hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp của mình cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, thông báo tới các cơ quan chức năng và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VÀ XỬ LÝ DOANH NGHIỆP CÓ HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thực hiện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện gồm: phối hợp xử phạt doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Thanh tra thành phố là cơ quan đầu mối phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn thành phố trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chức năng quy định tại Điều 2 Quy chế này; theo dõi, tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt của các cơ quan Thanh tra để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp có thể được xây dựng độc lập hoặc là một trong các nội dung của kế hoạch thanh tra, kiểm tra của thành phố.

2. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm phối hợp triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm của mình, cơ quan chức năng phải xác định cụ thể doanh nghiệp, đơn vị phụ

thuộc của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp dự kiến thanh tra, kiểm tra.

a) Trước ngày 01 tháng 11 hàng năm, các cơ quan chức năng quy định tại Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của mình cho Thanh tra thành phố.

b) Trước ngày 20 tháng 11 hàng năm, Thanh tra thành phố có trách nhiệm tổng hợp, so sánh, đối chiếu các kế hoạch quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này, tổ chức họp với các cơ quan chức năng để thống nhất nội dung kế hoạch thanh tra nhằm giảm thiểu sự trùng lặp.

c) Trước ngày 25 tháng 11 hàng năm, căn cứ kết quả thống nhất với Thanh tra thành phố quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, các cơ quan chức năng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 Quy chế này phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của mình theo đúng thẩm quyền.

d) Trước ngày 25 tháng 11 hàng năm, căn cứ kết quả thống nhất với Thanh tra thành phố quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, các cơ quan chức năng quy định tại Khoản 3 Điều 2 Quy chế này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của mình.

3. Thanh tra thành phố thông báo bằng văn bản tới các cơ quan chức năng có kế hoạch thanh tra, kiểm tra cùng một hoặc một số doanh nghiệp đề nghị các cơ quan này trao đổi, thỏa thuận thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp liên ngành do một cơ quan chủ trì. Trường hợp do yêu cầu đặc thù phải thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập, Thủ trưởng cơ quan chức năng phải báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố bằng văn bản.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Trường hợp thành lập đoàn thanh tra liên ngành, Thanh tra thành phố có trách nhiệm chủ trì, các cơ quan liên quan cử cán bộ tham gia. Kết quả thanh tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan chức năng tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn thanh tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan thanh tra chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

b) Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, các cơ quan liên quan thống nhất cử một cơ quan chủ trì, các cơ quan liên quan khác cử cán bộ tham gia. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ

trường cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Thanh tra thành phố là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn thành phố; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chức năng báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp theo quy định phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra doanh nghiệp theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có liên quan. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được thể hiện bằng văn bản. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại địa bàn quản lý theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định;

b) Công an thành phố có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo;

c) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

4. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh

ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, cơ quan chức năng quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

b) Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

3. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 2 Điều này, Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ đạo Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, đồng thời gửi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Chương IV

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

- a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp;
- b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp;
- c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d) Xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;
- đ) Các nội dung khác quy định tại Quy chế này.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

1. Trước ngày 15 tháng 1 hàng năm, các cơ quan chức năng quy định tại Điều 2 Quy chế này, có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 17 Quy chế này của năm liền trước, đồng thời đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập. Báo cáo được gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư và Thanh tra thành phố để tổng hợp.

2. Trong tháng 1 hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập; tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các Điểm a, c, d và đ Khoản 2 Điều 17 Quy chế này của năm liền trước và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố.

3. Trước ngày 20 tháng 1 hàng năm, Thanh tra thành phố là đầu mối tổng hợp, thông báo tới Sở Kế hoạch và Đầu tư để Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 17 Quy chế này của năm liền trước và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

3. Trong tháng 2 hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố của năm liền trước theo các nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này, đồng thời gửi cho Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Kinh phí triển khai, thực hiện Quy chế phối hợp

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan này.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan chức năng quy định tại Điều 2 Quy chế này có trách nhiệm— chủ động tổ chức phối hợp và triển khai thực hiện có hiệu quả Quy chế này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Thanh tra thành phố, Cục Thuế thành phố, Công an thành phố, Sở Nội vụ, Sở Tài chính đôn đốc, theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố tình hình triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề xuất, đề nghị các cơ quan chức năng phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ


Lê Văn Thành